TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ - ST
Ngày 08 - 01 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quốc Phòng, ông Nguyễn Văn Thể.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Khánh Vy - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình*** tham gia phiên tòa Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt. - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – N sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 154/2025/TLST - HNGĐ ngày 24/10/2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 29/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1981; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình.

* *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1982, vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày: Chị và anh N kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là UBND phường T, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 20/11/2001. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt hằng ngày nên dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh N.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh N thừa nhận lời trình bày của chị H về điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn, thời điểm sống ly thân của vợ chồng là

chính xác. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng hiếm muộn con nên xảy ra cãi vã nhau. Nhiều lần vợ chồng đã nói chuyện để tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng chấm dứt quan hệ và sống ly thân nhiều lần và lần gần đây nhất là từ tháng 03 năm 2025 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Tại bản tự khai ngày 29/10/2025, anh đồng ý ly hôn nhưng đến nay anh không đồng ý ly hôn.

Về con trong thời kỳ hôn nhân: Chị H, anh N xác định cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 14/05/2009 và cháu Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 16/07/2014 sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của anh chị và cháu H1, cháu A không phải là con chung của anh chị, là con riêng của chị H. Căn cứ Kết quả xét nghiệm ADN số 9242H/2025/01 ngày 13/11/2025 kết luận: "Nguyễn Văn N không có quan hệ huyết thống cha – con với Nguyễn Thị Thu H1, độ tin cậy trên 99,999999%"; tại kết quả xét nghiệm ADN số 9242H/2025/02 ngày 13/11/2025 kết luận: "Nguyễn Văn N không có quan hệ huyết thống cha – con với Nguyễn Thị Thu A, độ tin cậy trên 99,999999%". Chị H đề nghị xác định cháu H1, cháu A là con riêng của chị, khi ly hôn chị xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh N có quan điểm mặc dù cháu H1, cháu A không phải là con anh, là con riêng của chị H nhưng khi ly hôn anh vẫn xin nuôi cháu A, để chị H nuôi cháu H1, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H, anh N vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H với anh N. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn N. Về con trong thời kỳ hôn nhân: Xác định cháu Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu A là con riêng của chị Nguyễn Thị Kim H. Khi ly hôn giao cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 14/05/2009 và Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 16/07/2014 cho chị Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi cháu H1, cháu A. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy

định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- *Về thủ tục tố tụng*:

[1] Chị Nguyễn Thị Kim H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại phường T, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình) đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Theo chị H, anh N đều trình bày vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân xảy ra là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt hằng ngày, vợ chồng hiếm muộn con nên dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay không ai quan tâm tới ai. Nay chị H xin ly hôn thì anh N không đồng ý ly hôn nhưng từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay chị H, anh N không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tồn tại, vợ chồng vẫn sống ly thân là thực tế các bên đã thừa nhận, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã tồn tại trong một thời gian mà không được cải thiện, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần xử ly hôn giữa chị H và anh N là phù hợp thực tế và có căn cứ pháp luật tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con trong thời kỳ hôn nhân: Cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 14/5/2009 có Giấy khai sinh số 84, quyển 01/2009, ngày đăng ký khai sinh 20/5/2009, nơi khai sinh Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình) và cháu Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 16/7/2014 có giấy khai sinh số 122/2014, ngày đăng ký 22/7/2014 nơi khai sinh Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình) theo Kết quả xét nghiệm ADN của Công ty TNHH C thì anh Nguyễn Văn N và các cháu Nguyễn Thị Thu H1 và Nguyễn Thị Thu A không có quan hệ huyết thống cha - con. Nay chị Nguyễn

Thị Kim H và anh Nguyễn Văn N cùng xác nhận cháu Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu A không phải là con chung của vợ chồng, là con riêng của chị H. Mặc dù anh N có nguyện vọng xin nuôi cháu A nhưng xét thấy từ thời điểm vợ chồng sống ly thân, cháu H1, cháu A đang ở với chị H, do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, về thu nhập chị H khai chị làm công nhân với mức thu nhập từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng, hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Xét yêu cầu của chị H là có căn cứ, xác định cháu H1, cháu A là con riêng của chị H, không phải là con chung của vợ chồng nên khi ly hôn giao cháu H1, cháu A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ pháp lý và phù hợp với thực tế. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi cháu H1, cháu A.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim H phải theo luật định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn N.

2. Về con trong thời kỳ hôn nhân: Xác định cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 14/05/2009 và Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 16/07/2014 không phải là con chung của vợ chồng chị H, anh N; cháu H1, cháu A là con riêng của chị H. Khi ly hôn giao chị Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu A kể từ tháng 01/2026 cho đến khi cháu H1, cháu A đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi cháu H1, cháu A.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp số tiền 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 0002200 ngày 24/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình được đối trừ khi thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm; các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7và 9 Luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình.*
- *VKSND khu vực 6 - Ninh Bình.*
- *THADS tỉnh Ninh Bình.*
- *UBND phường T.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tươi